

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04 -5 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Quyết
2. Ông Bùi Văn Ôn

- Thư ký ghi phiên tòa: Ông Bùi Văn Hường - Thư ký toà án nhân dân huyện Lạc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐST ngày 22/03/2021 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị K, sinh năm 1997. Địa chỉ: xóm Bái, xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Trần Xuân T, sinh năm 1991. Địa chỉ: xóm Bái, xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị K trình bày:

Tôi và anh T kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và đăng ký kết hôn tại UBND xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Sau đó, tổ chức kết hôn theo phong tục tập quán địa phương.

Thời gian đầu chung sống, hai vợ chồng sống hòa thuận, yêu thương nhau, đến cuối năm 2017 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng

bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh T không tu trí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Khi tôi K bảo, nhắc nhở thì lần nào cũng bị anh T đánh đập. Đến nay, tôi thấy mâu thuẫn giữa chúng tôi quá mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người sống một nơi nên tôi đề nghị ly hôn với anh T.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Trần Thủy Tiên, sinh ngày 04/02/2016, hiện nay cháu đang ở với tôi. Vợ chồng ly hôn tôi đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và chưa yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị K không có yêu cầu gì thêm.

Về phía anh Trần Xuân T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có kết quả, anh T vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án.

**** Tại biên bản xác minh ngày 01/2/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn chính quyền địa phương nơi đăng ký nhân khẩu thường trú của chị Bùi Thị K và anh Trần Xuân T có nội dung:***

Chị Bùi Thị K và anh Trần Xuân T kết hôn 2015 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và đăng ký kết hôn tại UBND xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2017-2018 hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xung đột, anh T không chịu khó làm ăn còn thường xuyên say rượu khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Hai vợ chồng ly thân khoảng 2 năm nay, khả năng đoàn tụ là rất khó.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh T và chị K có 01 con chung là cháu Trần Thủy Tiên, sinh ngày 04/02/2016. Kể từ khi ly thân đến nay chị K là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về điều kiện nuôi con của anh T và chị K:

- Xét về yếu tố nhân phẩm, đạo đức: chị K luôn giữ gìn tư cách, phẩm chất đạo đức, chịu khó lao động kiếm thêm thu nhập ngoài công việc đồng ruộng để nuôi con. Anh T không tu trí làm ăn, thường xuyên say rượu thậm chí đánh đập chị K.

- Xét đến yếu tố kinh tế để nuôi con: chị K có công việc chính là làm ruộng, ngoài ra khi chưa vào mùa vụ chị còn đi làm thuê để kiếm thêm thu nhập. Do đó chị K đủ điều kiện kinh tế để nuôi con. Anh T không chịu khó làm ăn, không có nghề nghiệp ổn định nên không đủ điều kiện kinh tế để nuôi con.

- Về thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng con: Thời gian làm việc của anh T và chị K không quá gò bó nên có đủ thời gian để dành cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con.

- Về chỗ ở: Chị K và anh T có chỗ ở ổn định nên đủ điều kiện về chỗ ở để nuôi con.

****Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: xác định mâu thuẫn giữa chị K và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K.

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Thủy Tiên, sinh ngày 04/02/2016 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị K chưa đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con và anh T không có quan điểm gì về vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên đề nghị HĐXX chưa xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con trong vụ án.

Về tài sản chung và công nợ chung: Đề nghị không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị K phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án hôn nhân và gia đình “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn là anh Trần Xuân T có hộ khẩu thường trú tại xóm Bái, xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tổng đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và khoản 1, 2 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 211 BLTTDS. Tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 BLTTDS để hai bên thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Anh T và chị K đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Bị đơn là anh Trần Xuân T đã được triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1

và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị K.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị K được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh T và chị K không có hạnh phúc do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Hơn nữa cũng do điều kiện kinh tế khó khăn, anh T không chịu khó lao động, thậm trí đánh đập chị K nên đời sống chung luôn căng thẳng kéo dài. Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Quá trình chung sống anh T và chị K có 01 con chung là cháu Trần Thủy Tiên, sinh ngày 04/02/2016, kể từ khi ly thân đến nay cháu Thủy Tiên ở chị K. Vợ chồng ly hôn chị K đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung và chưa yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Theo quy định tại Điều 17 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Trên cơ sở nguyên tắc này có thể hiểu người cha và người mẹ bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cái trong thời kỳ tồn tại quan hệ hôn nhân và ngay cả khi quan hệ hôn nhân chấm dứt. Tuy nhiên, anh T không đến Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình. Theo kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú của chị K và anh T: kể từ khi ly thân đến nay anh T để con cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị K có chỗ ở ổn định, có công việc chính là làm ruộng, ngoài ra chị K còn làm thuê để kiếm thêm thu nhập, đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con chung cũng như để cho con chung có cuộc sống ổn định, tránh sự xáo trộn cần chấp nhận yêu cầu của chị K, giao con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] *Vấn đề cấp dưỡng nuôi con*: Do chị K chưa đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, anh T chưa có ý kiến trình bày về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên HĐXX không xem xét là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con sẽ được xử lý bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] *Về tài sản chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung: không có nên HĐXX không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81 , 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị K được ly hôn với anh Trần Xuân T.

2. Về con chung, cấp dưỡng: Giao con chung là cháu Trần Thủy Tiên, sinh ngày 04/02/2016 cho chị Bùi Thị K tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003737 ngày 26/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn. Chị Bùi Thị K đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CCTHA huyện Lạc Sơn;
- UBND Ân Nghĩa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Thanh Hoa